

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

---



# **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**NGÀNH: NGÔN NGỮ ANH-TRUNG**

**Sinh viên : Trần Mỹ Hạnh**

**HẢI PHÒNG – 2025**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

# 汉越语言中的数字文化对比研究

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY  
NGÀNH: Ngôn ngữ Anh-Trung

Sinh viên : Trần Mỹ Hạnh  
Giảng viên hướng dẫn: Th.S Hồ Thị Thu Trang

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

**NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

Sinh viên: Trần Mỹ Hạnh  
Mã sinh viên: 2212756008  
Lớp : NA2601C  
Ngành Ngôn ngữ Anh- Trung  
Tên đề tài: 汉越语言中的数字文化对比研究

# NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

## 1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp

Đề tài hướng tới việc nghiên cứu con số như một ký hiệu văn hóa trong tiếng Hán và tiếng Việt từ góc độ ngôn ngữ – văn hóa học, thông qua đó làm rõ mối quan hệ giữa ngôn ngữ, tư duy và bản sắc văn hóa dân tộc. Cụ thể, đề tài tập trung giải quyết các nội dung sau:

- Trình bày vai trò của ngôn ngữ như một “tấm gương văn hóa”, phản ánh tư duy biểu trưng, hệ giá trị và quan niệm sống của cộng đồng ngôn ngữ.
- Làm rõ cơ sở lý luận về con số như một ký hiệu văn hóa, bao gồm các khái niệm liên quan đến biểu tượng số, tư duy tượng số, ý nghĩa cát – hung và chức năng văn hóa – xã hội của con số trong tiếng Hán và tiếng Việt.
- Phân tích ý nghĩa biểu tượng của các con số tiêu biểu trong từng ngôn ngữ, xét trên các phương diện tín ngưỡng, quan niệm may – rủi, đời sống tinh thần và sinh hoạt văn hóa truyền thống.
- Khảo sát sự xuất hiện và vai trò của con số trong tục ngữ, thành ngữ, ca dao và trong giao tiếp hiện đại, đặc biệt là trong môi trường mạng xã hội và truyền thông số.
- So sánh hệ thống văn hóa số trong tiếng Hán và tiếng Việt nhằm chỉ ra những điểm tương đồng và khác biệt trong cách kiến tạo, tiếp nhận và sử dụng ý nghĩa của con số.
- Từ kết quả so sánh, rút ra những đặc trưng tư duy và bản sắc văn hóa của mỗi dân tộc thể hiện qua cách sử dụng con số trong ngôn ngữ.
- Đề xuất ý nghĩa ứng dụng của kết quả nghiên cứu đối với giảng dạy tiếng Hán, dịch thuật Hán – Việt và giao tiếp liên văn hóa.

## 2. Các tài liệu, số liệu cần thiết

Các tài liệu và số liệu phục vụ cho đề tài bao gồm những nhóm nguồn chính sau:

- Nhóm tài liệu nghiên cứu lý luận: Sách chuyên khảo và các bài báo khoa học về văn hóa số trong tiếng Hán và văn hóa Trung Quốc, đặc biệt là những công trình

nghiên cứu ý nghĩa biểu trưng của con số; các nghiên cứu học thuật về văn hóa số trong tiếng Việt, tục ngữ – ca dao, tín ngưỡng dân gian và quan niệm truyền thống liên quan đến con số.

- Nhóm tài liệu đối chiếu Hán – Việt: Luận văn, luận án và các công trình nghiên cứu về so sánh ngôn ngữ và văn hóa Hán – Việt, nhất là những nghiên cứu liên quan đến biểu tượng số, tư duy tượng số và ý nghĩa văn hóa của con số trong hai ngôn ngữ.

- Nhóm tư liệu văn hóa dân gian: Các tuyển tập tục ngữ, thành ngữ, ca dao tiếng Việt và thành ngữ tiếng Hán, được sử dụng làm nguồn dẫn liệu minh họa cho việc phân tích ý nghĩa biểu tượng và chức năng văn hóa của con số trong ngôn ngữ truyền thống.

- Nhóm dữ liệu thực tiễn và hiện đại: Dữ liệu thu thập từ đời sống xã hội như cách lựa chọn số điện thoại, biển số xe, quan niệm về số may mắn – số kiêng kị; cùng với dữ liệu từ môi trường số, đặc biệt là việc sử dụng con số trong giao tiếp trên mạng xã hội Trung Quốc (ví dụ như 520,1314,555), quảng cáo và truyền thông trực tuyến.

### **3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp**

Hệ thống giáo dục toàn diện Iiving

Cơ sở 1: 86 Quán Nam

Cơ sở 2: 55 Lạch Tray

# CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

**Họ và tên :** Hồ Thị Thu Trang

**Học hàm, học vị :** Thạc sĩ

**Cơ quan công tác :** Trường Đại học Quản lý và Công nghệ Hải Phòng

**Nội dung hướng dẫn:** 汉越语言中的数字文化对比研究

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày ..... tháng ..... năm 2025

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày ..... tháng ..... năm 2025

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Giảng viên hướng dẫn

Trần Mỹ Hạnh

Th.S. Hồ Thị Thu Trang

Hải Phòng, ngày tháng năm 2025

**XÁC NHẬN CỦA KHOA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHIẾU NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN TỐT NGHIỆP**

Họ và tên giảng viên: Hồ Thị Thu Trang

Đơn vị công tác: Đại học Quản lý và công nghệ Hải Phòng

Họ và tên sinh viên: Trần Mỹ Hạnh Chuyên ngành: ngôn ngữ Anh-Trung

Nội dung hướng dẫn: 汉越语言中的数字文化对比研究

**1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp**

.....  
.....  
.....  
.....

**2. Đánh giá chất lượng của đề án/khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...)**

.....  
.....  
.....  
.....

**3. Ý kiến của giảng viên hướng dẫn tốt nghiệp**

Được bảo vệ  Không được bảo vệ  Điểm hướng dẫn

*Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm .....*

**Giảng viên hướng dẫn**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHIẾU NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN CHẤM PHẢN BIỆN**

Họ và tên giảng viên:.....

Đơn vị công tác: Đại học Quản lý và công nghệ Hải Phòng

Họ và tên sinh viên: Trần Mỹ Hạnh Chuyên ngành: ngôn ngữ Anh-Trung

Đề tài tốt nghiệp: 汉越语言中的数字文化对比研究

**1. Phần nhận xét của giáo viên chấm phản biện**

.....  
.....  
.....  
.....

**2. Những mặt còn hạn chế**

.....  
.....  
.....  
.....

**3. Ý kiến của giảng viên phản biện**

Được bảo vệ  Không được bảo vệ  Điểm hướng dẫn

*Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm .....*

**Giảng viên chấm phản biện**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

# 声明

本人郑重声明，本毕业论文《汉越语言中的数字文化对比研究》是在海防管理与技术大学英-中语言专业胡氏秋庄老师（Hò Thị Thu Trang）的悉心指导下，由本人独立完成的研究成果。论文中的研究思路、资料收集、调查分析及结论，均由本人在遵守科研规范的前提下独立完成。

论文所引用的文献与资料均已注明出处，未出现抄袭、挪用或不当使用他人成果的行为。论文中所有数据、例证、观点及论断，皆基于本人对相关理论、语言事实与文化现象的客观分析。

在研究过程中，本人始终遵守科研伦理，坚持真实、准确、严谨的原则，对论文内容的可靠性与真实性承担全部责任。本研究旨在从语言与文化的双重视角，对汉越数字文化的异同进行系统比较，为中越对比语言学及跨文化研究提供参考。

在论文写作过程中，承蒙胡氏秋庄老师的细致指导和耐心帮助，使本人得以顺利完成此项研究。同时，衷心感谢英-中语言专业各位老师在学习期间给予的知识积累与学术支持。

如论文中存在不足或疏漏，均由本人自行负责。

作者签名: 陈美幸 Trần Mỹ Hạnh

日期: \_\_\_年\_\_\_月\_\_\_日

# 摘要

本论文以“汉越语言中的数字文化对比研究”为题，重点探讨汉语与越南语中数字所承载的文化意义，并从对比角度阐明语言与文化之间的密切关系。研究基于阴阳五行思维、象征性、谐音机制以及吉凶观念等核心理论，对两种语言中数字的使用方式及其“文化化”特点进行分析。

研究表明：在汉语中，数字不仅具有计量功能，更承载着强烈的文化象征意义。从传统生活到网络交流，中国人常以数字表达情感、传递含义并反映文化观念，例如 520、1314、88、666 等网络数字语言，体现了汉语数字文化在现代社会中的灵活发展和旺盛生命力。

在越南语中，数字同样具有文化内涵，广泛存在于民间习俗、风水观念、诗歌歌谣、信仰仪式及传统审美中。然而，由于语音结构与交际习惯不同，越南语并未像汉语那样形成系统化的网络数字语言。越南人对汉语网络数字的接受较为有限，多为学习或文化接触所带来的理解，而非广泛使用。

通过对比可见，尽管汉越两国共享东亚文化基础，但数字文化的发展方向并不完全相同。汉语在网络时代展现出高度创造性和适应性，而越南语则体现出选择性吸收以及本土文化与汉越因素的融合。

本研究的意义在于，帮助越南学习者更深入理解汉语数字背后的文化内涵，避免跨文化交际误解，并进一步认识语言与文化在现代生活中的双向互动关系。

**关键词：** 数字文化，中越文化对比，汉越语言差异，汉越文化同源性，吉数，凶数，网络数字语言，数字成语

## 目录

摘要.....	i
表格目录.....	v
插图目录.....	vi
绪论.....	1
1. 选题理由.....	1
2. 研究综述.....	2
2.1. 研究背景及意义.....	2
2.2. 既有研究综述.....	4
2.2.1. 中国学界研究.....	4
2.2.2. 越南学界研究.....	5
3. 研究目标.....	6
4. 研究对象与研究范围.....	7
4.1 研究对象.....	7
4.2 研究范围.....	7
5. 研究方法.....	7
<b>第一章 理论基础与相关概念.....</b>	<b>9</b>
1.1. 语言与文化的关系.....	9
1.2 数字在文化生活中的作用与象征意义.....	10
小结.....	10
<b>第二章 汉语中的数字文化意蕴 .....</b>	<b>12</b>
2.1. 古代中华文化中 0—9 各数字的象征意义体系.....	12
2.2. 中国民间风俗与信仰中的吉凶观念及数字的文化作用.....	17
2.3. 数字在中国文学与诗歌中的呈现.....	18
2.3.1 诗歌中的数字—古典美学的体现.....	20
2.3.2 成语中的数字—象征民间智慧.....	22

2.3.3 数字在称谓中的使用——对古代世界观的结构化.....	22
2.4. 数字意义在现代文化与青年交流中的传承与变迁.....	23
2.5. 数字在当代语言生活中的作用.....	25
2.6 汉语数字大写的形成及其功能 .....	25
小结.....	26
<b>第三章 越南语中的数字文化意蕴 .....</b>	<b>27</b>
3.1. 越南民俗与信仰中的数字观念及象征意义.....	27
3.2 越南语中数字的谐音现象.....	29
3.2.1 概念与特点.....	29
3.2.2 具有谐音或象征联想的典型数字.....	29
3.2.3 越南语数字谐音的特征.....	30
3.3. 数字在越南民间文学与俗语谚语中的表现.....	31
小结.....	33
<b>第四章 汉越数字文化的对比分析.....</b>	<b>34</b>
4.1. 汉越数字文化的相似点.....	34
4.2. 两种语言在数字使用与意义认知上的突出差异.....	34
4.3. 汉越数字文化的发展路径差异——从“象数思维”到“语用符号”.....	36
4.4. 数字文化异同对识别汉越文化特性的意义.....	38
小结.....	39
<b>第五章 启示与展望.....</b>	<b>41</b>
5.1. 后续研究的发展方向.....	41
5.2. 对中文教学与越中跨文化交流的启示.....	41
小结.....	41
<b>结论.....</b>	<b>43</b>
<b>参考文献.....</b>	<b>44</b>
<b>附录.....</b>	<b>46</b>

附录 1.....	46
附录 2.....	47
致谢.....	<b>48</b>

## 表格目录

表 0-1 网络常用数字编码与意义.....	5
表 2-1 东方宇宙观中“四”的象征意义.....	14
表 2-2 数字在中国民间礼俗与宗教仪式中的象征意义.....	18

## 插图目录

图 2.1 太极图与八卦 .....	12
图 2.2 阴阳.....	13
图 2.3 三才.....	13
图 2.4 四象.....	14
图 2.5 五行.....	14
图 2.6 六合.....	15
图 2.7 八卦.....	16
图 2.8 审美性示意图.....	16
图 2.9 审美性示意图.....	19
图 2.10 审美性示意图.....	20
图 2.11 审美性示意图.....	21
图 2.12 审美性示意图.....	22
图 2.13 审美性示意图.....	24
图 2.14 审美性示意图.....	24
图 2.15 审美性示意图.....	24
图 3.1 审美性示意图.....	27
图 3.2 审美性示意图.....	28
图 3.3 审美性示意图.....	28
图 3.4 审美性示意图.....	31

# 绪论

## 1. 选题理由

在任何一种文化中，语言都是反映其精神生活、思维方式和价值体系的一面镜子。人类不仅用语言进行交流，还通过语言来保存、表达和传递文化观念、生活方式与人生哲学。在构成语言结构和意义的诸多因素中，“数字”是一种具有特殊地位的符号形式。数字不仅仅具有量化意义，还承载着丰富的象征、审美与心性意蕴。自古以来，数字就是人类认识世界、建构社会秩序与组织精神体系的重要方式之一。

在中国文化体系中，数字文化是传统思想体系的重要组成部分，与阴阳五行、易学观念、风水理论以及民间信仰密切相连。诸如 1、3、4、6、7、8、9 等数字都具有独特的文化象征意义。例如，数字 8 因与“发（发财）”谐音，象征着繁荣与兴旺；而数字 4 则因与“死”同音而常被视为不吉。这些观念不仅体现在抽象思维中，更深刻影响着人们的日常生活，如电话号码、车牌号的选择，婚丧嫁娶、建宅择日，乃至大众消费与社会心理等多个层面。

与此同时，随着互联网和社交媒体的高速发展，中国的数字文化又呈现出全新的时代特征：数字被赋予“网络语言化”的表达功能，成为年轻人在网络交流中用于传达情感和态度的符号。例如，520 表示“我爱你”，1314 表示“一生一世”，233 意为“大笑”，88 表示“拜拜”，而 996 / 007 则成为一种具有社会批评意味的职场文化符号。这些数字不仅具有语言表达功能，还反映了传统文化与现代社会语境的交融、变形与再创造，展现了数字文化的活态性和时代性。

与之相对，越南文化中亦存在类似的数字象征体系。越南人也认为 3 代表稳固，6、8 象征顺利与富贵，7 常带有离散意味，9 则象征权威与永恒。然而，尽管受到汉文化的深刻影响，越南数字文化的象征系统并未与汉语完全一致，在民俗根源、宗教观念和社会心理等方面存在着一定的文化差异。

这种既相似又相异的文化现象，使得“中越数字文化的对比研究”成为一个值得深入探讨的学术议题。

然而，现有研究中，关于汉语数字文化的研究多以解释、归纳为主，而越南本土研究较为零散；特别是在汉语与越南语数字文化对比方面，系统性研究相对缺乏，其语言表达机制、文化意义生成逻辑以及在现代交际中的发展演变仍有待深入探讨。因此，通过对中越数字文化进行系统的语言—文化对比研究，可以更全面地揭示语言—思维—文化三者之间的内在联系，并为跨语言理解、翻译研究以及跨文化交际提供理论依据。

此外，在当前全球化与中越文化、经贸、教育交流日益密切的背景下，理解并掌握对方语言中的文化意涵显得尤为重要。对于汉语专业学生及从事翻译、教学、跨文化传播的人而言，准确理解数字所承载的文化象征意义，不仅有助于避免翻译误解，还能提升语言表达的精准性与文化敏感性。

基于以上原因，本论文选题“汉越语言中的数字文化对比研究”具有重要的理论价值和现实意义。该研究不仅有助于丰富语言对比研究和文化语言学的学术成果，也有助于阐释语言与文化之间的互动关系，为汉语教学、翻译与中越文化交流提供新的视角与启示。

## 2. 研究综述

### 2.1. 研究背景及意义

在中华语言与文化的发展历史中，数字早已不仅仅用于表示数量或服务于纯粹的计算活动，而是被赋予了深刻的象征意义。数千年来，在儒家、老庄思想、佛教以及阴阳五行、易学体系的影响下，数字逐渐在中华民族的文化心智中形成了相对稳定的象征体系。诸如 1、3、6、7、8、9 等数字，不仅具有量化意义，还常常象征着吉祥、和合、长寿，或相反，预示不吉、衰败或不祥之兆。

例如，数字“8”因其读音与“发（發）”相近，被华人社会视为象征发达、富裕与昌盛；而数字“4”则因读音与“死”相似而在诸多场景中被

避讳。这些观念源自语音谐音现象，并在长期的文化传承中形成了一套具有强大影响力的吉凶观念体系，从而作用于语言选择、消费心理与社会行为等方面。

数字象征体系的形成与延续，不仅展现了民间文化知识的积淀，也反映出中国人独特的思维结构，即万物皆可寓意、皆可“言说”。因此，可以认为数字在中华文化中具有“双重符号性”：既具有数学意义，又具有文化象征价值。

在数字时代与社交媒体传播高度发达的背景下，汉语中的数字文化呈现出更加灵活而富有创造性的表现形式。互联网、智能手机以及微信、微博、抖音、哔哩哔哩等平台的普及，显著改变了人们的交流方式，尤其是年轻群体的表达习惯。

在快节奏、短文本、高情绪表达的交际环境中，数字被重新赋予新的象征意义，用作符号语言，以简洁形式传达情感与态度。例如：

- 2014 ≈ 爱你一世
- 930 ≈ 好想你
- 918 ≈ 加油吧
- 6699 ≈ 顺顺利利
- 7087 ≈ 请你别走
- 04551 ≈ 你是我唯一

这些数字表达方式显示语言具有持续流动性，用户通过创造性的使用，使数字成为传递情感与社会态度的重要媒介。值得注意的是，这些现代数字符号并非凭空生成，而是深受传统文化思维影响，体现了语言文化在继承与变革中的连续性。

在越南，由于历史上与中华文化在宗教、信仰、汉喃书写系统等方面的深层交流，数字同样在精神生活与文化实践中占据重要地位。例如：

- 数字“6”“8”被视为吉祥，象征“禄”与“发”；

- 数字“7”有时与离散、失落相连；
- 数字“9”象征永恒与稳固，如“九重天”“九五之尊”。

然而，越南的数字文化并非对中国的简单复制，而是与本土文化融合变异，体现在民间信仰、寺庙建筑、婚丧习俗以及日常语言表达中。例如：

- “Một cây làm chẳng nên non, ba cây chụm lại nên hòn núi cao”
- “Bảy nổi ba chìm”
- “Một duyên hai nợ”

这些例句展现数字在语言中具有造境、造象与造韵之功能。

将汉语数字文化与越南数字文化放在比较视野中，有助于揭示：

- (1) 东亚文化中以数字象征思维为共性特征；
- (2) 不同民族在赋义方式与价值取向上的差异性；
- (3) 数字在传统与现代交际语境中不断重构的动态性。

## 2.2 既有研究综述

关于数字在语言与文化中的作用，无论在中国学界还是越南学界，都受到广泛关注。然而，由于研究取向和学术背景的不同，两国学者在研究重点和方法上存在一定差异。总体而言，数字文化的研究可从汉语领域与越南语领域两个方面进行考察。

### 2.2.1 中国学界研究

在汉语研究领域，数字常从民俗文化学、语言学、符号学、社会心理学及网络传播学等多角度展开讨论。（CCTV, 2022; 阮文康, 2001）。现有研究大致可分为以下三类：

（1）关于数字民俗意义与生活习俗的研究 此类研究历史悠久且数量庞大，主要从以下方面解释中国传统文化中数字象征意义的来源：

- 谐音现象（如“八 bā”与“发 fā”相近，象征发财；“四 sì”与“死 sǐ”相近，被视为不吉）；
- 阴阳五行思想，即根据数字的阴阳属性及相生相克关系进行分类；
- 民间信仰、仪式及禁忌所体现出的文化心理与社会象征。

此类研究有助于揭示数字象征意义的形成机制及其与民族文化心态之间的关系。然而，多数研究侧重于描述与阐释，对数字象征在当代社会生活中的动态变化关注较少。

### (2) 从哲学与传统思想体系探讨数字文化的研究

部分学者将数字置于中国传统思想体系之中，主要包括：

- 《易经》及象数系统；
- 老庄哲学中的宇宙论结构；
- 风水、占星、命理等本土知识体系。

在此研究取向中，数字不仅是符号，更是一种抽象的思维工具，被视为解释宇宙结构与运行规律的重要载体。但此类研究较偏理论化，与现实交流场景的联系不足。

### (3) 关于网络语境下数字表达的研究

自 21 世纪 10 年代以来，随着微信、微博、抖音、QQ 等社交平台的普及，数字逐渐被赋予新的表达功能，形成了网络数字语言（数字表情）。例如：

**表 0-1 网络常用数字编码与意义**

数字组合	所表达的含义	形成机制
520	我爱你	谐音近似
1314	一生一世	音义联想
9494	就是就是	音节重复加强语气
88	拜拜	谐音省略，便捷表达

这些研究多关注其流行程度、表达方式和使用者心理特点，但对其文化根源与现代语境之间的连续性探讨仍相对不足。

## 2.2.2 越南学界研究

在越南，关于数字的研究主要集中于民俗文化和语言艺术表达两个方向。(Nguyễn Tuấn Vũ, 2025; Tổng Khánh Thượng, 2021)。

### (1) 关于数字与民间信仰、生活习俗的研究

许多研究聚焦数字在以下文化实践中的作用：

- 祭祀礼仪；
- 择日观念；
- 建筑与风水；
- 婚丧礼俗等。

例如：

- 数字 1、3、5、7、9 常与“阳”联系，多用于祭祀礼仪；
- 数字 6、8 因与“禄、发”观念相关，被视为吉利；
- 数字 7 在某些表达中象征不顺或分离，如俗语“七上八下”“三沉七浮”。

这些研究阐明了越南文化中数字象征意义形成的民族心理基础，但整体上呈现分散化，对语言与文化之间的互动阐释不够系统。

### (2) 关于数字在语言艺术与民间言语表达中的研究

研究对象包括：

- 民歌、民谣：“Làm người hiếu nghĩa trung hòa, Gái thời năm giới, trai thời ba cương”。
- 谚语、俗语：“Một nắng hai sương”, “Một duyên hai nợ”, “Ba chìm bảy nổi”
- 古典与现代诗歌等。“Trăm năm trong cõi người ta, Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau”。

数字在这些表达中不仅起到节奏、意象与象征构建的作用，还体现越南民族语言的形象化与比喻性特征。然而，该方向研究多强调美学价值，对数字在当代网络交际中的新发展关注仍不充分。 ——

## 3. 研究目标

本研究旨在阐明汉语数字从历史到当代的文化意义，通过考察数字的文化源流、象征体系、吉凶观念、谐音现象与民间信仰，揭示其深层文化内涵。同时，研究分析数字在当代中国青年尤其是网络交际中的新型用法，以展示数字文化的创造性与变异性。在此基础上，研究进一步与越南文化中的数字观念进行对比，明确两国在数字文化上的共性与差异，从而揭示语言与文化的互动关系，并强调汉语数字意义体系在现代社会中的延续性与生命力。

## 4. 研究对象与研究范围

### 4.1 研究对象

本课题的研究对象包括：

- 汉语数字的文化意义，分别从两个层面进行考察：
- 传统层面：吉凶观念、同音象征、数字在民间思想与文化仪式中的象征体系。
- 现代层面：数字在网络语言中的再创造现象，特别是中国当代青年在网络交际中对数字的使用。
- 越南文化中的部分数字观念，用于进行对比和视角拓展，并非旨在对越南的数字文化进行全面考察。

### 4.2 研究范围

- 内容范围：重点分析汉文化体系中具有代表性的象征数字（如：1、2、3、4、5、6、7、8、9），其中尤为突出地关注象征意义较强的数字（如 4、6、8、9）。同时考察数字在网络语言中的编码化使用，如“520”“233”等。
- 空间范围：主要置于中国当代社会与文化背景中，并结合越南文化中的相关现象进行对照，以揭示相似性与差异性。
- 时间范围：从中国传统文化历史中形成并流传的数字象征体系，到进入 21 世纪后在互联网时代青年群体的交际中所呈现出的数字使用现象

## 5. 研究方法

- 文献研究法：搜集、筛选并整理与汉语及越南语数字文化意义相关的研究成果、专著及学术论文，作为分析的理论依据。
- 观察与语料调查法：记录和收集数字在现实交际及网络平台（如微博、微信、抖音等）中的使用实例，构建分析语料。
- 描述—分析法：对数字语言现象进行描写，并解读其在不同语境下的文化象征意义。
- 语用分析法：阐明中国人在交际中使用数字时所表达的态度、情感、隐含意义及其文化价值。
- 跨文化比较法：通过比较中越两国的数字观念，揭示其相似与不同之处及背后的语言—文化因素。
- 跨学科研究法：结合语言文化学、符号学与跨文化交际理论，对研究对象进行系统而全面的阐释。

# 第一章 理论基础与相关概念

## 1.1. 语言与文化的关系

语言与文化之间存在着密切的相互依存和互动关系。语言不仅是最基本的交际工具，也是人类认识世界、保存和传承精神文化的重要方式。通过语言，人们展现其世界观、人生观、价值观、信仰体系、风俗习惯以及社会行为规范。换言之，语言是文化的“镜子”，而文化则是滋养语言的“土壤”。

文化是一个民族在历史发展过程中所共同创造并传承的物质与精神成果的总和，其中包括生活方式、思想观念、宗教信仰、艺术传统、社会礼俗和价值规范等。这些文化因素直接影响着人们使用语言与理解语言的方式。不同的文化背景会导致词汇体系、语义表达、交际方式和思维模式的差异。

汉语便是语言与文化共生关系的典型例证。目前，世界上约存在三千多种语言，其中汉语是产生历史悠久、使用人数最多的语言之一。更为重要的是，汉字体系还为其他语言的形成和发展奠定了基础，如日语中的“汉字（かんじ）”以及历史上韩语中的“汉字文化（한자문화）”。汉字具有象形性、表意性与符号性，其字形、字义和语境蕴含着丰富的文化意象和哲学思维，“字中有景，景中含字”，生动体现了语言与文化的和谐融合。

与此同时，语言也反过来参与文化的构建和巩固。社会中具有重要意义的文化概念，往往会通过词汇与文化符号的形式被编码进语言之中。因此，学习一门语言不仅是学习词汇与语法，更是进入该民族文化体系的一种方式。由此可见，语言无法脱离文化背景而被完整理解。

在实际交际中，语言不仅包括口头表达，还涉及语调、眼神、动作、姿态等非语言符号，而这些符号同样深受文化传统的影响。如若缺乏对对方文化背景的理解，跨文化交际中便容易产生误解甚至冲突。

在全球化语境下，文化交流日益频繁，这使得从文化角度研究语言的重要性进一步凸显。深入理解语言与文化的有机联系，有助于提升跨文化交际能力、促进国际交流，同时维护和传承民族文化认同。

## 1.2 数字在文化生活中的作用与象征意义

在中国和越南等东亚文化中，数字不仅是用于计量与计算的数学符号，更承载着深厚的精神价值和文化象征意义。随着文明的发展，数字逐渐与阴阳、五行、《易经》及风水等思想体系结合，从而形成特定的象征意涵。这说明数字意义的形成并非偶然，而是建立在一套具有逻辑性与传统性的文化认知体系之上。

在信仰与民俗生活中，数字常被用来表达吉凶观念。奇数因被视为具有“阳气”而常出现于祭祀礼仪中；一些数字的吉凶还来源于谐音现象，反映了人们祈求顺遂、趋吉避凶的文化心理需求。

无论在中国还是越南，数字在选择日时、门牌号、电话号码、车牌号等方面都发挥重要作用，成为人们寄托愿望、期盼好运的象征。在现代社会，“吉利数字”如“68/86”（发财）、“39/79”（神财）以及重复数字等依然广受青睐，显示出数字文化在当代语境中的延续与灵活变迁。

因此，东方文化中的数字既具有普遍性——表达对平安、繁荣的共同追求，又具有文化特性——受语言、信仰与习俗影响深刻。数字不仅是工具，更是文化符号，是民族精神的一部分，体现了人们对世界的理解方式以及维系精神生活的传统力量。

### 小结

本章主要阐述了语言与文化之间的理论基础，以及数字在东亚文化生活中的重要作用。语言与文化密不可分：语言反映一个民族的价值体系、思维方式和文化认同，而文化则深刻影响语言的表达方式与理解方式。

在这一框架下，汉语是语言与文化共生关系的典型例证，汉字体系蕴含着丰富的文化意象、传统思想和哲学观念。同时，本章也指出，在东方文化中，数字不仅具有计量功能，还承载着基于阴阳、五行、易学及民间信仰等体系形成的象征意义。数字因此成为影响人们信念、行为与选择的重要文化符号。

综上所述，对语言—文化关系以及数字的文化意蕴进行研究，有助于深入理解汉语民族的世界观、心理结构与传统价值，并为后续章节的分析奠定扎实的理论基础。

## 第二章 汉语中的数字文化意蕴

### 2.1. 古代中华文化中 0—9 各数字的象征意义体系

在中国传统文化中，数字不仅是计量、运算和记录的符号，还承载着深刻的象征意涵。数字被视为“天地之语言”，反映古人对宇宙本体、自然运行和人生秩序的认识。数字象征体系广泛存在于哲学、宗教、风水、医学、天文、历法、艺术以及日常生活之中，是中国传统思想的重要组成部分。

理解数字的象征意义，是认识阴阳、五行、易学等思想体系的基础。

#### 数字 0 — 无极

图 2.1 太极图与八卦



数字 0 表征混沌未分、万物未生的原初状态。《庄子·逍遥游》曰：

“吾惊怖其言犹河汉而无极也。”

在老庄哲学中，“无极”是宇宙的终极本体，无形无状，万物由此生发。

《老子》曰：

“常德不忒，复归于无极。”

因此，0 并非“空无”，而是万有之潜体。

#### 数字 1 — 太极

数字 1 是万物生成的开端。《说文解字》曰：

“一，惟初太始，道立于一。”

《周易·系辞》云：

“易有太极，是生两仪。”

由“一”生“二”——即阴与阳，宇宙由此展开。故数字 1 象征统一、本源与生发。——

## 数字 2 —— 阴阳

图 2.2 阴阳



数字 2 代表两种对立又互补的力量：

- 阴：柔、静、暗、收
- 阳：刚、动、明、发

二者相对而不相悖，相生而相成，以维持宇宙的平衡与秩序。

《汉书·律历志》云：

“地之数始于二。”

数字 2 的象征核心为平衡与和合。——

## 数字 3 —— 三才

图 2.3 三才



三即天、地、人之三才。《易·说卦》曰：

“立天之道曰阴与阳；立地之道曰柔与刚；立人之道曰仁与义。”

三才构成古人世界观的基本框架，人居天地之间，调和自然。——

## 数字 4 — 四象

图 2.4 四象



数字 4 代表宇宙运行的方位与节律：

表 2-1 东方宇宙观中“四”的象征意义

方位	灵兽	属性
东	青龙	木 — 春
西	白虎	金 — 秋
南	朱雀	火 — 夏
北	玄武	水 — 冬

“四象”体现宇宙运行的周期性秩序。但数字“4”与“死”同音，因此民俗中常被视为不吉。——

## 数字 5 — 五行

图 2.5 五行



五行包括：金、木、水、火、土。 《尚书·洪范》曰：

“一曰水，二曰火，三曰木，四曰金，五曰土。”

五行用于解释：

- 自然变化
- 身体结构与疾病（中医）
- 风水格局
- 日常行为规范

数字 5 象征中心、均衡与调和。 ——

## 数字 6 — 六合

图 2.6 六合



“六合”指天、地、四方，即整个宇宙空间。民间常言：

“六六大顺”

因“六(liù)”与“禄(lù)”近音，故象征顺遂、吉利、富贵。 ——

## 数字 7 — 七星

数字 7 源于北斗七星，古人以此观测：

- 四时节令
- 方位
- 航行与农耕

但民俗中，数字 7 与“失(shī)”谐音，又与“七月中元”等祭魂仪式相关，故常带有哀悼、幽冥意味，一般不用于喜庆场合。 ——

## 数字 8 — 八卦

图 2.7 八卦



八卦包括：乾、坤、震、巽、坎、离、艮、兑。

其构成了中国哲学最核心的”《周易》思维模型”，用于解释万象生成。

此外，“八(bā)”与“发(fā)”谐音，故象征：

- 兴旺
- 扩展
- 成功
- 财富

由此，数字 8 成为最受欢迎的吉祥数字。 ——

## 数字 9 — 九宫

图 2.8 审美性示意图



数字 9 为阳数之极，象征至尊与永恒。自汉唐以来，“九”始终与皇权相联系：

- 九重宫殿
- 九五之尊
- 紫禁城九千九百九十九间殿宇

因此，数字 9 是天子权威与宇宙秩序的象征。

## 2.2. 中国民间风俗与信仰中的吉凶观念及数字的文化作用

在中国传统文化中，数字不仅具有计量功能，更是一套与宇宙哲学、人生命题及民间信仰密切相连的象征符号体系。数字的吉凶意义主要源于三个重要基础：

- (1) 汉语为单音节结构，使谐音、近音（谐音）现象容易引发象征性联想；
- (2) 东方文化的象征性思维常以“形一音一义”建立善恶、吉凶等文化范畴；
- (3) “言出有应”的观念认为声音与言语可能影响命运，因此选择数字成为民间祈吉避凶的一种方式。

在此基础上，每个数字都被赋予了不同的文化意涵：

- 数字 0（零）与道家“无”的哲学观念相关，象征宁静、未分化的状态，具有中性意味。
- 数字 1（一）象征万物之始，“道生一”，代表开端与纯一，也隐含孤独、唯一的意味。
- 数字 2（二）表示阴阳与和合，象征成双成对与平衡，因此在婚礼、品牌名称与赠礼中被视为吉数（如“囍”）。在春节，红包金额中常见“200 元”等双数以寄寓吉利。
- 数字 3（三）含有生化之意，对应“天地人”三才，在民间象征兴旺、发展与富足。
- 数字 4（四）因与“死”（sǐ）同音而被视为凶数。中国人普遍避用含“4”的门牌号、电话号码，许多大楼亦省略 4、14、24 及 40-49 等楼层。

- 数字 5（五） 关联五行、五方、五常等东亚宇宙论核心概念，象征中正与调和。
- 数字 6（六） 与“禄”（lù）近音，寓意顺利、吉祥，被广泛使用于商业活动、车牌与电话号码中。
- 数字 7（七） 联系北斗七星与祭祀周期，带有神秘色彩，既可为吉，也可为凶，视情境而定（如婚喜或丧礼）。
- 数字 8（八） 因与“发”（fā，发财）同音，被视为最强吉数之一。含“8”的号码在商业、金融、车牌等领域备受追捧。北京奥运会便选择于 2008 年 8 月 8 日 8 时 08 分举行开幕式。
- 数字 9（九） 与“久”（长久）近音，象征永恒与长寿，同时与皇权相关，如“九重”、“九鼎”、“故宫九千九百九十九间殿宇”等。

此外，数字 14（十四） 因与“是死”（shì sǐ）近音而被视为不祥，在现代生活中亦被普遍避开。

不仅如此，数字还直接参与中国民间礼俗与宗教仪式之中：

**表 2-2 数字在中国民间礼俗与宗教仪式中的象征意义**

行为	数字	文化含义
上香	3 炷	天—地—人三才
祭酒	9 杯	隆重、圆满
供品	8 样	祝愿兴旺、发达

### 2.3. 数字在中国文学与诗歌中的呈现

在中国文化的发展过程中，数字早已超越了单纯的计算符号，成为符号思维体系的重要组成部分。它们在文学、诗歌、成语、谚语以及整个传统话语体系中都扮演着重要的角色。古典语言中数字的运用达到了很高的艺术水平：简洁、韵律优美、象征意义丰富、蕴含深邃的哲学思想，反映了古代的世界观和审美观。

在文学史上，许多诗人巧妙地运用数字，将其转化为独特的表达手段。数字可以按升序排列，用来描绘风景、拓展空间、强调情感状态或概括人生哲理。这证明“数字文化”已经深深渗透到传统语言生活中，成为古典文学的显著特征。

清代李钓鱼屋源的一首诗就是一个典型的例子。在一次游览西湖时，为了测试李钓鱼屋元的才能，一位朋友让他按顺序用 1 到 10 的数字写一首诗。李钓鱼屋元立刻一章一章地背诵了这首诗：

原文：

一名大乔二小乔

三寸金莲四寸腰

买得五六七色粉

打扮八九十分娇

Phiên âm:

Nhất danh Đại Kiều nhị Tiểu Kiều,

Tam thốn kim liên tứ thốn yêu,

Mãi đắc ngũ lục thất sắc phấn,

Đả biện bát cử thập phân kiều.

Dịch nghĩa:

Một cô Kiều chị hai Kiều em,

Ba tấc gót sen bốn tấc eo,

Mua được năm sáu bảy sắc phấn,

Trang điểm tám chín mười phần xinh.

这首诗不仅展现了作者的机智，更体现了他将枯燥的数字转化为充满美感的画面的天赋。从“一”到“十”的数字排列严谨自然，诗意盎然，意象生动鲜活，展现出唐清诗歌独特的魅力。

此外，古典文学中还流传着另一首运用数字的杰作——绍康的著名诗作，仅用二十个字，便勾勒出一幅宁静祥和的乡村景象：

图 2.9 审美性示意图



原文：

一去二三里，烟村四五家。  
亭台六七座，八九十枝花。

Phiên âm:

Nhất khứ nhị tam lý, yên thôn tứ ngũ gia.  
Đình đài lục thất tọa, bát cửu thập chi hoa.

Dịch nghĩa:

Một đi hai ba dặm,  
Xóm nhỏ bốn năm nhà.  
Đình đài sáu bảy cái,  
Tám chín mười cành hoa.

有些数字看似普通，但在精妙的笔触下，却层层展开空间：雾霭中的村落、稀疏的亭台楼阁、盛开的鲜花。数字的韵律化作过渡的节奏，使画面流畅而深邃。

### 2.3.1 诗歌中的数字—古典美学的体现

为了进一步阐明古代文化的传统美学特征—其中人类思想、分离的灵感和自然之美交融—我们可以考察以下唐宋明时期的诗歌。这些诗歌是数字渗透于古典艺术结构中的典型例证，它们创造了精致、简洁和音乐性。

#### 1. 《游子吟》—唐·孟郊

慈母手中線，  
遊子身上衣。  
臨行密密縫，  
意恐遲遲歸。  
誰言寸草心，  
報得三春暉。

\* Phiên âm:

Từ mẫu thủ trung tuyến,  
Du tử thân thượng y.

图 2.10 审美性示意图



Lâm hành mật mật phùng,  
Ý khủng trì trì quy.  
Thùy ngôn thôn thảo tâm,  
Báo đắc tam xuân huy.

\* Dịch thơ:

Chiếc áo con mặc xa nhà  
Là bao đường chỉ mẹ già ngôi may.  
Sợ con về chậm vài ngày,  
Lo con áo rách mẹ may chỉ chông.

Tác lọng mây ngọn cỏ bông  
Sao đèn đáp được nắng hồng ba xuân.

体现了孝道和母爱—传统文化的核心价值观。

## 2. 《黄鹤楼送孟浩然之广陵》—唐·李白

故人西辞黄鹤楼，  
烟花三月下扬州。  
孤帆远影碧空尽，  
惟见长江天际流。

\* Phiên âm:

Cố nhân tây từ Hoàng Hạc lâu,  
Yên hoa tam nguyệt há Dương Châu.  
Cô phàm viễn ảnh bích không tận,  
Duy kiến Trường Giang thiên tế lưu.

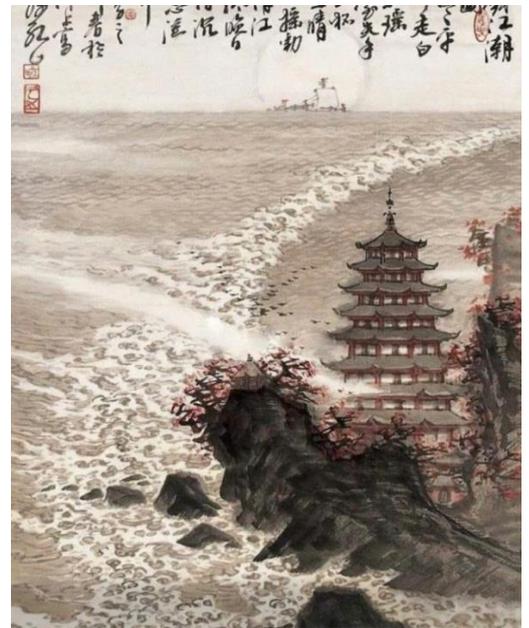
\* Dịch thơ:

Lầu Hoàng Hạc cùng người ly biệt,  
Giữa tháng ba hoa khói xuôi dòng.

Bóng thuyền khuất nẻo vẫn trông,  
Trường Giang nước chảy mênh mông bên trời  
充满了离别之感—唐诗的经典主题。

## 3. 《登乐天堂塔》—唐·刘禹锡

图 2.11 审美性示意图



步步相攜不覺難，  
九層雲外倚闌幹。  
忽然笑語半天上，  
無限遊人舉眼看。

\* Phiên âm:

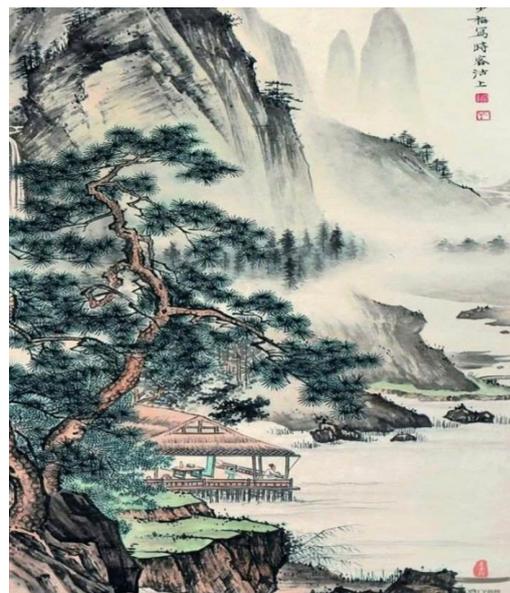
Bộ bộ tương huê bất giác nan,  
Cửu tầng vân ngoại ý lan can.  
Hốt nhiên tiếu ngữ bán thiên thượng,  
Vô hạn du nhân cử nhãn khan.

\* Dịch thơ:

Mỗi bước dìu nhau thấy nhẹ không,  
Lan can ngồi tựa giữa mây lồng.  
Giữa trời bỗng tiếng ai cười nói,  
Bao kẻ du nhân ngược mắt trông.

云中自由与开阔之美—充满了唐诗的精神。

图 2.12 审美性示意图



### 2.3.2 成语中的数字—象征民间智慧

数字不仅出现在诗歌中，也大量出现在古代成语和谚语中。每个数字都蕴含着一层哲学意味，表达了古人高度普遍的思考：

- “三思而后行”：教导谨慎。
- “五福临门”：象征幸福、财富、长寿、健康、平安。
- “七上八下”：表达不安的心情。
- “三心二意”：犹豫不决，优柔寡断。
- “六神无主”：迷茫无措。
- “九死一生”：危险，生死攸关。

在这里，数字具有强烈的象征意义，不再是量化，而是隐喻。因此，这句谚语简短却形象生动，易于记忆，也易于流传

### 2.3.3 数字在称谓中的使用—对古代世界观的结构化

数字还广泛出现在各种文化、政治、宗教称谓之中：

- “九州”：指中国上古时代的全域。
- “八仙”：指道教中的八位仙人，包括：吕洞宾、钟离权、何仙姑、韩湘子、曹国舅、李铁拐、蓝采和、张果老。
- “三国”：指东汉末期三大对峙势力，即魏—蜀—吴（220—280）。
- “五岳”：指五座具有神圣意义的名山，包括：泰山（东）、华山（西）、衡山（南）、恒山（北）、嵩山（中）。

这表明古人通过数字来系统化知识、对宇宙进行分类，并以象征方式建构其世界观。

## 2.4. 数字意义在现代文化与青年交流中的传承与变迁

在中华传统文化中，数字本身具有深厚的象征性，关联着阴阳观念、吉凶体系、谐音机制以及民间信仰结构。进入数字时代后，这些传统意义并未消失，而是继续作为稳定的文化—语义基础，并成为当代青年在网络环境中创造新型表达方式的重要依托。

在社交媒体的推动下——这一交流场域强调速度、简洁与符号化——数字被重新编码，发展为具有情感色彩和群体认同功能的符号系统。青年人不仅继承了将数字视为文化象征的传统认知，还进一步将其转化为一种“数字语言”，以展现网络交际中的灵活性、幽默感和创造力。

其中，谐音现象发挥着核心作用：由于数字的读音与某些词语相近，它们在网络中常被用来替代词语，从而形成一种新颖而高效的表达方式。

一些典型的例子如下：

- 520 (wǔ èr líng) ≈ “我爱你” (wǒ ài nǐ – 我爱你)
- 1314 (yī sān yī sì) ≈ “一生一世” (yī shēng yī shì – 一生一世)
- 88 (bā bā) ≈ “拜拜” (bàibài – 再见)
- 233：表示大笑，来源于网络论坛的表情编号。
- 666 (liù liù liù)：表示“很棒”、“很厉害”。

图 2.13 审美性示意图



图 2.14 审美性示意图



图 2.15 审美性示意图



- 5201314: 完整的告白语—“我爱你一生一世”。
- 996 ≈ 早上九点上班晚上九点下班一周工作六天。
- 440 ≈ 谢谢你
- 6699 ≈ 顺顺利利
- 7087 ≈ 请你别走
- 04551 ≈ 你是我唯一
- 555 ≈ 呜呜 (wū wū- 哭声)

此外，在中国，人们还有一种简称节日或假期的习惯方式，即把节假日按阳历的日期进行简称。比如：

- 十一节 / 十一假期：国庆节
- 三八节：妇女节
- 六一节：国际儿童节
- 五一：国际劳动节
- 双十一：国际单身日.....

不仅如此，中国的网友还常常用数字来代替某些词语进行表达。比如：

- 它好像有 1.4 了 = 它好像有一点死了
- 我有 1..想你 = 我有一点点想你
- 你本来有 1.2 了 = 你本来有一点二（傻）了.....

目前，在中国的社交平台上有两个运算方式被广泛使用，就是“8+1”和“2+1”。其中，“8+1=9（九-酒）”，所以看到“8+1”时，其实就是中国人在暗指“喝酒”；而“2+1=3”，则用来指代介入感情的“第三者”。

这些“数字语言”充分体现了中国年轻人的语言创造力。在社交媒体的推动下，它们不仅是一种语言游戏，更反映了交际文化的变迁趋势——情感被数字化、符号化地表达出来。

## 2.5. 数字在当代语言生活中的作用

现代数字词语不仅具有表达情感的功能，还能在社交群体中形成群体认同与文化归属感。

例如“520”、“88”、“666”等数字，已成为网络文化中的符号标志，帮助人们表达亲密、幽默或共鸣的情绪。

同时，这种现象也丰富了汉语网络语言的词汇体系，体现了年轻一代在现代语境中对传统语音规律的继承与创新。

## 2.6 汉语数字大写的形成及其功能

从文化思维中数字的象征意义出发，汉语中的数字逐渐被引入社会管理与正式交际活动之中。在这一过程中，数字的表达形式也不断得到规范与调整，其中最具代表性的便是大写数字的产生与使用。

在汉语中，数字大写体系（大写数字）包括“壹、贰、叁、肆、伍、陆、柒、捌、玖、拾”等字。这些字最初并不具有表示数量的功能，而是由于其读音与常用数字“一、二、三、四、五……”相同或相近，逐渐被借用为数字的书写形式。这一现象反映了汉语作为单音节语言的特点，即语音同化现象容易引发词汇的借用与语义功能的转移。

自唐代以后，数字大写逐步得到规范化，并在社会生活中被广泛使用。其主要原因在于数字大写的书写形式结构复杂、笔画较多，不易被涂改，从而在防止篡改和伪造方面具有显著作用。因此，至今数字大写仍被广泛并强

制性地应用于汇款凭证、银行存款单、发票、合同以及各类财务文书等正式和法律性文本中。

数字大写的使用不仅具有重要的现实意义，有助于经济与社会管理的规范化，而且体现了汉语中语言形式与文化功能、社会功能之间的紧密联系。由此可见，汉语中的数字不仅是单纯的计量工具，更是一种随着社会需求不断调整和发展的文化要素。

## 小结

本章系统概述了汉语数字意义从传统到现代的形成、发展与变迁。首先，在中国传统文化中，数字具有深厚的象征性，紧密关联着阴阳、五行、《易经》以及宇宙秩序等思想，由此形成了一套包含哲理寓意、吉凶观念与谐音文化的意义体系，充分体现了中国人的象征性思维与精神世界。

与此同时，数字在礼俗、信仰与社会仪式中占据重要地位，承载着关于生死、圆满与不圆满的文化观念，并广泛运用于诗歌、成语及各类艺术形象之中，成为传统文化表达的重要媒介。

进入数字时代后，这些传统意义并未消失，而是在新的语境中得以继承、重构与延展。在网络环境的推动下，数字被年轻人转化为一种兼具谐音性、简约性与情感编码功能的“数字语言”。诸如 520、1314、666 等数字组合，以及以数字表达态度和情绪的用法，展现出现代青年语言实践的灵活性与创造力，也进一步证明象征性思维在数字时代仍具有强大的生命力。

此外，本章还指出，汉语中的数字不仅停留在象征层面，其表达形式也为适应社会管理与正式交际的需要而不断被规范化，其中大写数字的形成与使用正是数字文化社会功能的重要体现。

总体而言，汉语数字的意义体系构成了一条延续不断的文化脉络，在历史演进中不断被保留、变形与拓展。数字不仅是量化符号，更是反映群体思维、信念结构与语言创造力的重要文化载体，对塑造当代社会的文化面貌与交际方式具有深远影响。

## 第三章 越南语中的数字文化意蕴

### 3.1 越南民俗与信仰中的数字观念与象征意义

在越南人的心中，数字不仅仅是数学符号，更是一种蕴含深刻象征意义的文化符码，反映着生活哲理、道德信仰与民族文化特质。自古以来，东方思想家普遍认为数字是宇宙的密码，蕴含着“天-地-人”的运行法则。由此，《易经》、河图-洛书、五行、八卦等学说皆与神圣的数理体系密切相关。

越南文化中的数字体现了东方哲学思想与民间经验的融合，是科学与玄学、理性与信仰、人与宇宙和谐共生的象征。每一个数字都是秩序、平衡、道义与命运的象征，塑造了越南民族的思维方式与精神特质。

在民间生活中，数字被广泛运用于婚嫁、丧葬、建屋、择日、抽签、电话号码、车牌号等各种习俗与信仰活动中。

例如：

- 数字 1 (Nhất)：被视为“生数”，象征生命的萌芽与万物的开始，代表发展的动力与首位者的志向与独立，但同时也蕴含“孤高独立”的意味。
- 数字 2 (Nhị)：代表“阴阳两仪”，象征成双成对的和谐与幸福，寓意“成双成对、长久圆满”。

图 3.1 审美性示意图



- 数字 3 (Tam)：出现在“三宝”“三多(福禄寿)”“三才(天-地-人)”“三时(过去-现在-未来)”“三花”等结构中，象征稳固与平衡（“如鼎三足之稳”）。
- 数字 4 (Tứ)：因读音近似“死”，常被忌讳，但同时也象征四方、四季。
- 数字 5 (Ngũ)：象征中心与五行的平衡。

图 3.2 审美性示意图



- 数字 6 (Lục)：代表财运流通、财富积聚，寓意“禄”，是吉祥数。
- 数字 7 (Thất)：具有灵性，一方面象征祖先（七祖），另一方面关联于失落与祭亡（农历七月为“鬼月”）。

图 3.3 审美性示意图



- 数字 8 (Bát)：象征“发达”“发财”，寓意兴旺。

- 数字 9 (Cửu)：象征至尊与长久，如“九龙”“九鼎”“九天”等，亦见于雄王传说“九牙象、九距鸡、九鬃马”，寓意永恒、昌盛与圆满。

## 3.2 越南语中数字的谐音现象

### 3.2.1 概念与特点

在越南语中，数字谐音现象确实存在，但并未像汉语那样发展成为一个系统性强、普遍使用的语言机制。其主要原因在于越南语的类型学特征：作为一种多音节、声调丰富的语言，数字与具有象征意义的词语之间产生完全同音或近音的可能性相对较低；相比之下，汉语作为单音节语言，更容易形成稳定而广泛的谐音体系。

此外，越南语中的数字谐音并未形成独立的意义生成机制，而主要依托于以下几个方面运作：

- 数字的汉越音读法
- 东方象征思维（吉凶、阴阳、福祸等）
- 汉文化的传入、吸收与本土化过程
- 通过世代口传形成的民间经验与信仰

因此，越南语中的数字谐音更多体现为一种文化联想现象，而非纯粹的语言现象。

### 3.2.2 具有谐音或象征联想的典型数字

在文化实践与日常生活中，一些越南语数字通过语音联想、汉越词义或直接受到中华文化影响而被赋予象征意义，概括如下：

- 数字 1 (một / nhất)：联想到开始、唯一、首位与领先地位，通常带有积极意义，与先锋意识和权威性相关。
- 数字 2 (hai / nhị)：表示成双成对、并行与和谐，常见于婚姻与社会关系中，虽缺乏直接谐音，但象征意义明显。
- 数字 3 (ba / tam)：与稳定、牢固相关（如“三足鼎立”），并体现“三才”（天-地-人）观念，在民间多被视为吉数。

- 数字 4 (bốn / tứ)：因汉越音“tứ”与汉语“死”（死）音近，在门牌号、房号、楼层等语境中有时被忌讳；但在越南传统文化中，数字 4 亦与“四柱”“四方”“四季”等概念相关，因此并非完全具有消极意义。
- 数字 5 (năm / ngũ)：与五行、五福（富、贵、寿、康、宁）相联系，象征平衡与中和；虽谐音特征不突出，但文化象征价值较高。
- 数字 6 (sáu / lục)：通过汉越音“lục”，与“禄”（财富）产生联想，象征财运与吉祥，在电话号码、车牌号及开业日期中尤为受欢迎。
- 数字 7 (bảy / thất)：汉越音“thất”与“失”（失去）同音，因此有时被视为不吉；但在越南佛教文化中，数字 7 具有神圣意义（如佛陀诞生时行七步），体现了其多义性和语境依赖性。
- 数字 8 (tám / bát)：明显受汉语影响，因与“发”（发达）近音，被视为象征兴旺、成功的吉祥数字，在现代商业活动中尤为突出。
- 数字 9 (chín / cửu)：“Cửu”（久）表示长久、永恒，而越南语中的“chín”亦有成熟、圆满之意，因此数字 9 常与权力、恒久与最高价值相联系。

总体而言，上述多数数字谐音与象征联想并非直接源于现代越南语的语音系统，而是汉语文化观念在越南社会中被接受、筛选并本土化的结果。

### 3.2.3 越南语数字谐音的特征

与汉语相比，越南语中的数字谐音具有以下显著特点：

- 缺乏系统性，多以零散形式存在
- 强烈依赖文化与信仰语境
- 主要以民间信念和社会习惯的方式流传
- 较少作为语言游戏或日常交际中的意义生成手段

因此，可以认为：

在越南语中，数字谐音属于一种辅助性的文化现象，其功能在于补充和强化数字的象征意义，而非构成语言意义生成的核心机制。

### 3.3. 数字在越南民间文学与俗语谚语中的表现

数字不仅存在于越南人的信仰与风俗之中，而且深深渗透于越南民族的精神生活，尤其是在民间文学、诗歌和俗语中。通过灵活而富有象征性的运用，数字逐渐成为承载审美价值、伦理观念与生活哲理的文化符号。以下是一些典型的例子：

- 在公主玉姻为光中皇哭祭的诗《哀思挽（Ai tư vãn）》中，有句：

“而今恩德深如海，甘霖遍洒九州间。”

原文：

“Mà nay lượng cả ơn sâu

Móc mưa rưới khắp chín châu đượm nhuận.”

- 在越南诗人阮秉（Nguyễn Bính）于 1938 年创作的《船夫之梦（Giấc mơ anh lái đò）》中写道：

“听说那婚礼多么隆重，  
新郎家雇了九只船迎亲；  
新娘家吃了九千颗槟榔，  
聘礼钱大约也有九千贯。”

（原文：

"Đồn rằng đám cưới cô to

Nhà giai thuê chín chiếc đò đón dâu

Nhà gái ăn chín nghìn cau

Tiền cheo tiền cưới chừng đâu chín nghìn")

而在另一节诗中：

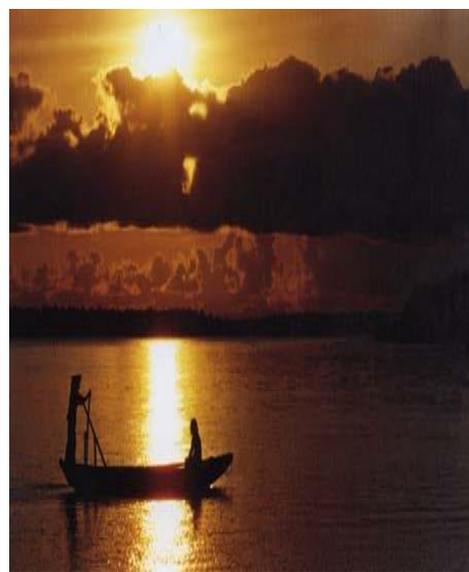
“我四处漂泊卖船，  
有人出价九贯钱又作罢。”

（原文：

"Lang thang anh dạm bán thuyền

Có người giá chín quan tiền lại thôi!")

图 3.4 审美性示意图



对于这位船夫而言，“九”既是极大的数目，又是极小的数目——这里的“九”，象征着珍贵如金的价值。

此外，在越南民间还流传着大量含有数字意象的成语、俗语，如：

- Nhất cận thị, Nhị cận giang 第一临市，第二临江。
- Thứ nhất kinh kì, thứ nhì phố Hiến 天下第一京畿，第二街县。
- Một sự nhịn, chín sự lành 忍一时风平浪静，退一步海阔天空。
- Một nghề cho chín còn hơn chín nghề 与其学九种手艺，不如精通一种。
- Gái tháng hai, trai tháng tám 二月生女，八月生男。
- Đêm tháng năm chưa nằm đã sáng, ngày tháng mười chưa cười đã tối  
五月夜未眠天已亮，十月日未午天已暗。
- Tháng giêng rét đài, tháng hai rét lộc, tháng ba rét làng Bân  
一月寒台，二月寒芽，三月寒村。
- Giàu ba mươi tuổi chớ mừng, khó ba mươi tuổi em đừng vội lo  
三十岁富莫骄，三十岁贫莫愁。
- Tháng bảy heo may, chuồn chuồn bay thì bão  
七月秋风起，蜻蜓飞则有暴。
- thập toàn thập mỹ 十全十美。
- mười phần chắc chín 十拿九稳。
- bách chiến bách thắng 百战百胜。
- bách phát bách trúng 百发百中。
- bách niên giai lão 百年偕老。
- bách niên đại kế 百年大计。
- trăm hoa đua nở 百花齐放。
- một khắc ngàn vàng 一刻千金。
- nhất ngôn cửu đỉnh, một lời đã định 一言为定。
- nhất kiến chung tình 一见钟情。
- một cây trăm vụ 一树百获。

- một công đôi việc 一举两得。
- một chữ nghìn vàng 一字千金。
- thành ngàn thành vạn 成千成万。
- thiên binh vạn mã 千军万马。
- ngũ quang thập sắc, muôn màu muôn vẻ 五光十色。
- tứ hải là nhà 四海为家 bốn bề yên tĩnh 四平八稳。

.....

由此可见，越南文学与俗语中的数字不仅仅是语言元素，更是象征性思维的体现——人们将数字视为生活的隐喻。这种表达方式反映了越南文化中浓厚的人文精神与民间智慧。

## 小结

第三章从民俗信仰与风俗传统、数字谐音现象以及民间文学、诗歌与谚语中的表现三个层面，系统考察了越南语中数字的文化意蕴。

首先，在信仰与风俗生活中，越南人将数字视为具有象征意义的文化符码，与阴阳五行思想、吉凶观念以及长期积累的生活经验密切相关。数字被广泛运用于婚姻、丧葬、建屋、择日等传统活动中，也延伸至电话号码、车牌号等现代生活领域。

其次，越南语中的数字谐音虽客观存在，但具有间接性与非系统性的特征，主要受到汉越音读法和中华文化影响。数字谐音并未在越南语中承担核心造义功能，而是丰富了数字的象征层面。

最后，在民间文学、诗歌和谚语中，数字被灵活运用为一种形象化的表达手段，集中体现了越南民族的生活哲理、社会伦理与民间智慧。

总体而言，越南语中的数字不仅是数量单位，更是一种富含象征意义的文化编码，在塑造民族思维方式和精神生活方面发挥着重要作用，同时也为下一章的汉越数字文化比较研究奠定了基础。

## 第四章 汉越数字文化的对比分析

### 4.1. 汉越数字文化的相似点

越南与中国同根于东亚文化圈，深受《易经》思想、阴阳观念及数理哲学的影响，因此数字在两国文化中不仅是数学符号，更承载哲学、伦理与美学意义。两国都认为数字象征吉凶、运势与人生理想，形成了较为稳定的象征体系。

首先，许多数字在两国文化中具有共同的吉凶属性：6、8、9 被视为吉祥数，而 4 常与不吉利联系在一起。这些观念体现了东亚文化普遍追求“顺、发、久、圆”的价值取向。例如，越南民间数字组合如“68（禄发）”“79（大财神）”“39（小财神）”“8386（发财发禄）”，中国社会则有“88（发发）”“666（顺顺顺）”“999（天长地久）”。两国虽然形成机制不同，但均体现数字与文化意义的对应关系。

其次，数字广泛出现在祝福语、诗歌、对联和俗语中。汉语有“三生三世”“五福临门”，越语有“ba chìm bảy nổi（三沉七浮）”“một vốn bốn lời（一本四利）”。这些例子显示数字在表达哲理、情感和社会经验中发挥重要作用。

### 4.2. 两种语言在数字使用与意义认知上的突出差异

尽管汉越数字文化有许多共性，但两国在数字意义的建构、接受方式和运用层面上呈现显著差异，反映不同的心理结构、宗教信仰及本土价值体系。

越南文化的数字倾向于灵性化和本土化。数字与佛教、民间信仰及因果观紧密相连。例如：

- 0 象征万物起源与圆满；
- 6 既是吉数，也象征家庭和谐与承担（如“六亲”“六根”）；
- 7 具有双重性：与“七月鬼月”相关，同时象征觉悟与勇气；
- 9 为至高数字，象征皇权、精神力量与民族永续。

中国文化更强调数字谐音体系及社会应用。数字通过音近形成丰富语义网络，如：

- 8 – 发
- 6 – 顺
- 9 – 久
- 520 – 我爱你
- 1314 – 一生一世
- 518 – 我要发

数字意义随语境而变：

在中文中，数字不是固定意义的符号，而是高度情境化的多义符号。

- 4：通常不吉（死），但在成语“四季发财”“四方来财”中象征圆满；
- 6：既顺利（六六大顺），又可因谐音“流”而与“流氓”“流浪”联想；
- 8：发财之意，但谐音“疤”时又不吉；
- 9：久长之意，但在“九泉”“救济”语境中可能负面；
- 1：一帆风顺，但亦可与“一场空”“一团糟”联想；
- 0：象征起点与无限，但谐音“灵”时关联灵堂、灵车。

这种多义性体现了数字在中文中的灵活性与情境依赖性，使其成为认知、情感和社会行为的重要工具。

相比之下，越南语中的数字谐音现象明显受到限制。正如第三章所述，越南语作为一种多音节、声调复杂的语言，数字与其他词语形成完全同音或近音关系的可能性较低，因此并未发展出类似汉语那样系统化、可生成的谐音机制。越南语中常见的所谓“数字谐音”，如将 1 理解为“nhất（唯一）”、2 联想到“成双成对”、6 与“lộc（禄）”、8 与“phát（发）”、9 与“cửu（久）”等，多数并非源自现代越南语自身的语音结构，而是通过汉越音读形式，接受并本土化了汉语数字象征体系的结果。

因此，从本质上看，汉语数字谐音属于语言内部机制驱动的意义生成方式，而越南语数字谐音则更多是一种文化借用与象征联想现象。前者具有高度生产性和语用功能，后者则以补充和强化数字象征意义为主，较少直接参与日常交际中的意义编码。

此外，在数字的书写形式方面，汉越两种语言亦呈现出不同的文化取向。汉语在历史发展过程中形成了较为系统的数字大写书写方式，如“壹、贰、叁、肆、伍、陆、柒、捌、玖、拾”等，并被广泛应用于金融、法律及各类正式文书之中，体现了数字在社会管理层面的制度化功能。相比之下，越南语并未形成独立的数字大写体系，而主要采用“数字以文字形式表达”的方式，即直接书写数字词本身，或在正式文本中将阿拉伯数字与文字形式并列使用。这种差异反映了两种语言在数字文化中对规范性与表达性的不同侧重。

上述差异主要体现在汉越两种语言对数字意义的认知与理解层面，而这些认知差异也进一步影响了数字在实际语言使用中的功能发展方向。由此，下一节将从发展路径的角度，探讨汉语与越南语中数字如何由文化象征走向不同的语用符号形态。

### 4.3. 汉越数字文化的发展路径差异——从“象数思维”到“语用符号”

相关研究表明，尽管汉语与越南语中的数字文化同源于东亚文化圈的象数思维传统，但在历史演进与语言使用过程中，两种语言中的数字意义体系逐渐形成了不同的发展路径（丁秀菊，2003；毕野，2013；兰迪，2013）。

在传统层面，数字在汉语和越南语中均作为重要的文化象征符号，用以反映宇宙秩序、社会结构与人生经验。大量结构稳定、意义固化的数字成语清楚地体现了这一点，例如：“四平八稳”“四面八方”“四海为家”“五脏六腑”“五湖四海”“三番五次”“七嘴八舌”“乱七八糟”“十全十美”“九死一生”“百年偕老”“千辛万苦”“千言万语”等。在这些表达

中，数字已不再承担单纯的计量功能，而是被固化为认知模式与文化意象，承载着高度概括性与象征性的意义（徐洋，2016；王旗，2017）。

然而，进入现代社会之后，汉语中的数字逐渐突破传统象征体系，呈现出明显的语用化、符号化与编码化发展趋势。一方面，数字继续活跃于传统成语与书面表达中，如“百战百胜”“百发百中”“千变万化”等；另一方面，在现代社会交际，尤其是网络语境中，数字大量依托谐音机制生成新的意义，如 520（我爱你）、1314（一生一世）、666（顺、厉害）、518（我要发）等。这一过程中，数字不再主要指向客观世界或文化象征，而是被高度简化并编码为表达情感、态度与人际关系的语用符号（兰迪，2013；金鹏，2013）。

值得注意的是，汉语数字语用化的发展并不仅体现在口语和网络语言中，在正式书面语和社会管理领域同样有所体现。其中，大写数字（如“壹、贰、叁、肆、伍”等）的形成与使用，正是数字从象征意义走向社会功能化、制度化的重要例证。大写数字最初并非用于表示数量，而是由于与普通数字在语音上的一致性而被借用，并在历史发展中逐渐被规范为防止篡改和伪造的专门书写形式。时至今日，大写数字仍广泛应用于金融凭证、合同与法律文书之中，体现了汉语数字由文化符号向高功能性语用符号转变的另一条发展路径。

相比之下，越南语中的数字意义建构较少依赖谐音机制，而更多根植于民间经验、形象思维以及本土信仰体系。尽管越南语中也存在大量与汉语相对应的数字成语，如“một chữ nghìn vàng”与“一字千金”、“ngàn cân treo sợi tóc”与“千钧一发”、“giết một răn trăm”与“杀一儆百”、“ba đầu sáu tay”与“三头六臂”、“thỏ khôn ba lỗ”与“狡兔三窟”、“sớm ba chiều bốn”与“朝三暮四”、“tụm năm tụm ba”与“三五成群”等，但其数字意义主要来源于生活体验与文化隐喻，而非语音联想（苏宇成，2012；范玉涵，2021）。

因此，越南语中的数字语义整体上表现出稳定性较强、伦理色彩浓厚的特点，较少被重新编码为高度程式化、工具化的交际符号。诸如“ba chìm bảy nổi（三沉七浮）”“một vốn bốn lời（一本万利）”“trăm phương ngàn kế（百计千方）”“chắc như đinh đóng cột（百无一失）”“trong trăm chọn một（百里挑一）”“muôn hình vạn trạng（千态万状）”等表达，体现了越南语通过数字来描写人生状态、命运起伏与社会经验的文化取向。

从对比视角来看，汉越数字文化的核心差异并不在于数字本身，而在于数字符号功能的发展方向：汉语更倾向于借助谐音机制与制度化书写形式，将数字转化为高度社会化、情境依赖的语用符号；而越南语则更多地保留数字作为文化象征与伦理隐喻的功能。这一差异不仅有助于解释两种语言在数字使用频率、构词方式及语境分布上的不同，也为汉语对外教学、汉越翻译实践及跨文化研究提供了重要启示。

#### 4.4. 数字文化异同对识别汉越文化特性的意义

通过对汉语与越南语数字意义系统的比较可以发现，数字文化不仅是一种语言现象，更是一面映照民族思维方式、价值体系与文化认同的镜子。数字使用上的相似性与差异性，有助于明确越南在东亚文化圈中的位置，同时也凸显其对汉文化的主动吸收与本土化重构过程。

首先，汉越数字文化的相似性表明两国共同根植于东亚象数思维传统，深受《易经》思想、阴阳五行观念以及吉凶意识的影响。双方均将数字 6、8、9 视为吉数，忌讳数字 4，并在成语、俗语、祝辞和仪式性话语中大量使用数字，体现出一种共同的世界观：数字并非单纯的计量工具，而是建构宇宙秩序、社会结构与精神生活的重要符号。这些相似性证明，越南文化属于东亚象数文化共同体的重要组成部分，与汉文化之间存在深厚的历史与思想联系。

然而，正是数字功能的发展差异，使汉越两种文化的特性得以清晰区分。在汉语中，数字逐渐呈现出明显的语用化与编码化趋势，通过谐音机制转化

为高效的社会交际符号。诸如 520、1314、666 等数字表达，反映了中国文化在现代语境中对效率、现实利益和情感快速传达的重视，体现出一种灵活、功利且高度社会化的文化取向。

相比之下，越南语更多保留数字作为文化象征与伦理隐喻的功能。数字意义主要源于民间经验、宗教信仰与形象思维，语义相对稳定，较少因语境变化而被重新编码。这种特征反映了越南文化在价值取向上更强调内在精神、道德秩序与人生体悟。即使在吸收汉文化因素的过程中，越南社会仍通过再诠释和再建构，使数字文化服务于自身的文化心理与社会需求。

从文化识别的角度来看，相似性确立文化同源性，差异性凸显文化主体性。数字体系因此成为一套重要的文化识别符号，不仅揭示了汉越两种语言在表达方式上的差异，也折射出两国在世界观、价值观和思维模式上的深层区别。对汉越数字文化异同的研究，不仅具有重要的理论意义，也为汉语教学、汉越翻译以及跨文化交际研究提供了有益启示。

## 小结

第四章从语言文化对比的视角，对汉语与越南语中的数字文化进行了系统分析，重点考察了两种语言中数字意义的相似性、差异性及其文化识别价值。在象数思维与语用符号理论框架下，本章指出，数字在汉越两种语言中不仅是计量单位，更是承载哲学观念、宗教信仰与社会经验的重要文化符号。

研究表明，汉越数字文化在整体上具有显著的共通性。这种共通性源于两国同属东亚文化圈，长期受到《易经》思想、阴阳五行观念以及吉凶意识的深刻影响。无论是在将某些数字视为吉数、忌讳特定数字，还是在成语、俗语和祝辞中大量运用数字，两种语言都体现出以数字象征来理解宇宙秩序、社会关系与人生经验的象数思维传统。

然而，在语言使用和文化演变过程中，汉语与越南语的数字文化逐渐呈现出不同的发展取向。汉语中的数字表现出明显的语用化与编码化特征，常通过谐音机制转化为情境依赖性较强的交际符号，广泛应用于现代社会交往

与网络语境。相比之下，越南语更多保留数字作为文化象征与伦理隐喻的功能，其意义主要植根于民间经验、宗教信仰与形象思维，语义相对稳定，具有较强的人文与精神色彩。

从跨文化比较的角度来看，数字文化是识别汉越文化特性的一个重要切入点。相似性体现了两国共享的东亚象数文化基础，而差异性则反映出越南在吸收汉文化过程中所展现出的主动选择与本土化重构能力。因此，本章的研究不仅深化了对汉越数字文化本质的认识，也为汉语教学、汉越翻译及跨文化交际研究提供了有价值的理论参考。

## 第五章 启示与展望

### 5.1. 后续研究的发展方向

- 将研究范围扩展至其他东亚文化（如日本、韩国等）的数字符号系统，以获得更加全面的比较视角。
- 对越南学习中文的大学生进行实证调查，评估其在实际交际中对数字意义的理解与运用程度。
- 运用人工智能（AI）技术对数字语料进行分析，以统计并识别当代中文网络语言中的新兴趋势。

### 5.2. 对中文教学与越中跨文化交流的启示

- 在中文文化教学中加入“数字的象征意义”相关内容，帮助越南学习者更深入理解汉语背后的文化与语义系统。
- 鼓励在教学中采用文化对比的方法，使学习者能够在翻译与双语交际中更好地比较、解释并运用数字。
- 通过对数字符号使用差异的理解与尊重，进一步促进中越文化之间的交流与互鉴。

### 小结

第五章总结了本研究的未来发展方向，并提出了对汉语教学及越中跨文化交流具有实践意义的启示。首先，在研究层面，可将数字符号系统的比较对象扩展至日本、韩国等其他东亚文化，从而构建更加完整的区域性象征体系。同时，通过对越南中文学习者进行实证调查，可进一步了解他们在实际交际中对数字文化意义的掌握情况。借助人工智能等新技术工具，对大规模语料进行分析，也将有助于识别当代汉语特别是网络语言中数字符号的新兴趋势。

此外，研究结果对汉语文化教学具有重要启发意义。在教学中加入“数字的象征意义”相关内容，有助于越南学习者深入理解汉语背后的文化结构与语义逻辑。采用跨文化对比的方法，不仅能提升学习者的翻译能力，也有

助于他们在双语交际中更准确地解释和使用数字。对数字符号差异的理解与尊重更是推动越中文化交流与互鉴的重要基础。

总而言之，第五章不仅提出了未来研究的可能路径，也强调了数字文化研究在语言教学及跨文化交往中的应用价值，为进一步认识东亚文化中的数字象征体系提供了丰富的思考空间

## 结论

通过对汉越数字意义的系统分析可知，数字不仅是计量符号，更是深具文化属性的语言单位，反映民族的思维方式与价值体系。汉越两国在数字象征上的相似性，说明双方共同继承了以阴阳五行为基础的东方认知模式，并将数字与吉凶、圆满、福禄等文化观念紧密联系。

然而，两种文化在数字的吸收与运用上呈现明显差异。汉语长期强化谐音机制，使数字兼具象征性与实用性，尤其在网络时代形成了丰富的数字语码（如 520、1314、666）。越南则倾向将数字与佛教、民间信仰与本土价值相结合，使数字意义更具灵性与民族特色。

研究表明，两国数字使用的差异体现了文化环境与交际需求的不同，也说明文化决定语言吸收哪些符号并赋予其意义。整体来说，数字清晰展现了语言与文化的双向互动：文化为数字赋予象征意义，语言则负责传承与更新这些文化内涵。

理解汉越数字文化，不仅有助于语言学习与跨文化交际，也进一步揭示了两国在相似基础上发展出独特文化身份的过程，为未来的语言文化研究与交流提供重要启示。

## 参考文献

### 越南语

- [1] Nguyễn Thị Minh Trang, “*Một hướng tiếp cận khác về trạng ngữ trong tiếng Việt*”, Tạp chí Ngôn ngữ & Đời sống, số12, 2017, 31-36
- [2] Diệp Quang Ban (2002) *Giáo trình ngữ pháp tiếng Việt*. NXB Giáo Dục
- [3] Bùi Minh Toán (2023) *Giáo trình dẫn luận ngôn ngữ học*. NXB Đại học Sư phạm
- [4] Tổng Khánh Thượng. (2021). *Thần số học - Thấu hiểu nhân tâm*. Nhà xuất bản Công Thương.
- [5] TS. Châu A Phí & TS. Lưu Hón Vũ (2017) *Ngữ âm- Văn tự Từ vựng tiếng Trung Quốc*. NXB Đại Học Sư Phạm TP. HCM
- [6] *Tử vi đầu số toàn thư*. (2019). NXB Hồng Đức
- [7] Diệp Quang Ban (2004), *Ngữ pháp Tiếng Việt*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [8] Mã Giang Lân (2024) *Tục Ngữ Ca Dao Việt Nam*. NXB Văn Học
- [9] Trương Văn Giới & Lê Khắc Kiều Lục (2015) *Từ điển Hán Việt hiện đại*. NXB Khoa Học Xã Hội
- [10] Trương Văn Giới & Lê Khắc Kiều Lục(2011) *301 câu đàm thoại tiếng Hoa*. NXB Khoa Học Xã Hội
- [11] Nguyễn Tuấn Vũ(2025) *Mai Hoa Dịch Số*. NXB Hồng Đức

### 汉语

- [1] 祝仰修. (2017 年 7 月 28 日). 《诗与地名——诗中的数字》[EB/OL]. 《人民公安报》. 取自: <https://cand.com.vn>
- [2] CCTV.com. (2022, 26 tháng 7). 文化数字化带动文化消费转型升级。
- [3] CCTV.com. (2025, 11 tháng 12). “活态传承+数字赋能” 并守护赫哲文化 为世界非遗保护提供中国经验。
- [4] 阮文康, 《通过数字的使用看中华文化中的数字》, 《语言与生活杂志》, 2001 年第 01 期, 第 24–26 页。

- [5] 越·Tô Vũ Thành. So sánh nghĩa văn hóa của số 3 trong tiếng việt và tiếng trung. Đại học Thái Nguyên(苏宇成.越南语和汉语数字“3”的文化意义对比分析)[J].太原大学, 2012(02)。
- [6] 越·Phạm Ngọc Hàm. Số 9 trong ngôn ngữ văn hóa. Đại học Quốc gia Hà Nội(范玉涵.文化语言中的数字9)[J].河内国家大学, 2021.
- [7] 丁秀菊.数词成语的文化阐释[J].齐鲁学刊, 2003 (5) .
- [8] 毕野.含数字“三”的汉语成语多角度研究[D]长春: 东北师范大学硕士学位论文, 2013.
- [9] 兰迪.中英数字文化内涵差异[J].湖北经济学院学报(人文社会科学版), 2013 (6) .
- [10] 徐洋.数字“三”的文化解读[J].吉林广播电视大学学报, 2016(02).
- [11] 王旗.数字成语的文化阐释[J].中学语文教学参考, 2017(27).
- [12] 金鹏.浅谈“三”“七”“九”在中英文化中的异同[J].现代交际, 2013 (6) .

## 附录

附录 1 汉越含数词成语对照表

序号	汉语成语	越语释义	对应的越南成语 / 谚语	解释
1	一箭双雕 (yī jiàn shuāng diāo)	Một công đôi việc	Một công đôi việc	做一件事而达到两个目的
2	举一反三 (jǔ yī fǎn sān)	Học một biết mười	Học một biết mười	学习能力强，能从一个例子推知其他情况。
3	四面楚歌 (sì miàn chǔ gē)	Tứ bề thọ địch	Tứ phía đều gặp khó	处于四面受压、进退维谷的困境。
4	九牛一毛 (jiǔ niú yī máo)	Không đáng kể	Nhỏ như giọt nước giữa đại dương	与整体相比极其渺小、不值得一提。
5	千钧一发 (qiān jūn yī fà)	Ngàn cân treo sợi tóc	Ngàn cân treo sợi tóc	。 情况极其危险、紧迫。

## 附录 2 中越数字一些示例汇总表

数字 / 组合	汉语中的意义	汉语例句	越南语中的对应或差异
3 (三)	三才、稳定、平衡； 具有重要的文化—哲学象征意义	三才（天—地—人）；三思而后行；三生三世	越南亦有“三才”“三宝”，以及含“三”的俗语（如“三沉七浮”），象征意义与汉语相近
4 (四 sì)	“死 (sǐ)” 同音，象征不吉	避四	越南也忌讳 4、49、94 等数字
5 (五)	五行、五常、五福，象征秩序与吉祥	五行；五常（仁义礼智信）；五福临门	越南有五行、五德、五福、五果盘等 → 与汉文化几乎完全对应
6 (六 liù)	顺利、吉祥（“六六大顺”）	666 = “厉害、很棒”（网络用语）。	数字 6 也被视为吉利（“lộc”），年轻人也使用“666”。
8 (八 bā)	“发 (fā)” 同音，寓意发财	发财、8888	象征幸运与繁荣
9 (九 jiǔ)	长久、永恒（同音“久”）。	“长长久久”、“九九归一”。	含义基本相同，被视为吉祥数字。

## 致谢

在撰写毕业论文《汉越语言中的数字文化对比研究》的整个过程中，我得到了许多老师的悉心指导、热情帮助和真诚鼓励。值此论文完成之际，我谨向所有在此期间给予我支持与帮助的老师和朋友致以最诚挚的谢意。

首先，我要向我的指导老师——胡氏秋庄硕士（Hò Thị Thu Trang）致以最衷心的感谢。她在论文的选题、研究思路以及写作过程中给予了我悉心的指导和耐心的教诲。胡老师不仅帮助我夯实了对比语言学、文化学以及汉语方面的专业基础知识，更激发了我对学术研究的热情，教会我在研究中保持严谨、细致与持之以恒的态度。她对论文每一部分的细致修改、每一次讨论与建议，都使我在知识与学术思维上有了长足的提升。若没有胡老师的悉心指导与严格要求，我难以顺利完成本论文。

同时，我要向海防管理与技术大学校领导、英一中语言专业的各位老师表示深深的谢意。感谢您们在我大学学习期间的辛勤付出和无私教导，使我不仅掌握了扎实的语言知识，还具备了独立思考与研究的能力。老师们严谨治学的态度和敬业精神，是我学习和研究的榜样与动力。

尽管我在论文研究与撰写过程中已尽全力，但由于时间、能力及研究经验的限制，论文中仍难免存在不足与疏漏之处，恳请各位老师与同学批评指正，我将虚心接受并不断完善。

最后，再次向胡氏秋庄老师以及所有曾给予我帮助的老师、同学和家人表示衷心的感谢。正是因为有了指导、关怀与鼓励，我才能顺利完成此次毕业论文，并从中收获宝贵的知识与成长。

作者签名: 陈美幸 **Trần Mỹ Hạnh**

日期: \_\_\_年\_\_月\_\_日